

Số: 31/GPMT-UBND

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 16.6/CV-JW ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Công ty trách nhiệm hữu hạn JW nông sản về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Nhà máy sản xuất chế biến nông sản JW tại cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 261/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty trách nhiệm hữu hạn JW nông sản được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất chế biến nông sản JW tại lô H2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất chế biến nông sản JW.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô H2, Cụm công nghiệp Phúc Ứng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 5000888144, do Phòng Đăng ký kinh doanh

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp, đăng ký lần đầu ngày 31/8/2021, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 27/4/2022.

1.4. Mã số thuế: 5000888144.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chế biến nông sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Tổng diện tích đất quy hoạch nhà máy: 48.801 m².
- Quy mô công suất: Sản phẩm rau quả đông lạnh 3.000 tấn/năm. Sản phẩm thực phẩm khác: 600 tấn/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

- + Quy trình chế biến và bảo quản rau quả đông lạnh: Nguyên liệu đầu vào → Làm sạch (bằng khí, nước) → Sàng lọc chất bẩn nhỏ → Cắt rau, củ, quả theo quy cách → Làm sạch bằng nước → Sơ chế → Làm sạch sâu (cấp đông) → Phân loại sản phẩm → Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm.

- + Quy trình chế biến rau, củ chiên: Nguyên liệu đầu vào (rau, củ) → Rửa lần 1 → Sơ chế lần 1,2 → Kiểm tra → Rửa lần 2 → Chiên → Kiểm tra → Làm nguội trong kho lạnh → Đóng IQF → Đóng gói → Thành phẩm.

- + Quy trình chế biến tôm chiên, mực chiên: Nguyên liệu đầu vào (tôm, mực) → Rửa lần 1 → Cân định lượng → Sơ chế → Rửa lần 2 → Rửa kim loại → Rửa lần 3 → Phân cỡ 1 → Rửa lần 4 → Phân cỡ 2 → Rửa lần 5 → Xử lý → Rửa lần 6 → Ngâm → Kiểm tra → Rửa lần 7 → Chiên → Xếp khay → Cấp đông → Đóng gói → Thành phẩm.

- + Quy trình sản xuất bánh đỗ xanh: Nguyên liệu đầu vào (đỗ xanh) → Rửa, ngâm, tách vỏ → Đổ ráo nước → Hấp chín → Sấy khô 1 → Xay nhuyễn → Rây → Bột đậu xanh → Phối trộn → In khuôn → Sấy khô 2 → Đóng gói → Thành phẩm.

- + Quy trình sản xuất bánh bí đỏ, khoai tây: Nguyên liệu đầu vào (bí đỏ, khoai tây) → Xử lý sơ bộ → Cắt nhỏ → Sấy khô 1 → Xay nhuyễn → Rây → Bột bí đỏ, khoai tây → Phối trộn → In khuôn → Sấy khô 2 → Đóng gói → Thành phẩm.

- + Quy trình sản xuất bánh hải sản: Bột mỳ → Định lượng → Trộn bột 1 → Ủ bột → Định hình (gồm hải sản đã được làm sạch, ướp) → Chiên → Làm nguội → Cấp đông → Đóng gói → Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty trách nhiệm hữu hạn JW nông sản.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn JW nông sản có trách nhiệm.

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (kể từ ngày cấp Giấy phép).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường và Người đứng đầu chính quyền địa phương nơi thực hiện dự án tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và MT;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công ty TNHH JW nông sản (thực hiện);
- Lưu: VT (Toàn).

(báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép số 31/GPMT-UBND ngày 28/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
Tuyên Quang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 4,5 m³/ngày được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, sau đó dẫn về công trình xử lý nước thải của Nhà máy để xử lý.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực nhà ăn phát sinh khoảng 1,5 m³/ngày, được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu, sau đó dẫn về công trình xử lý nước thải của Nhà máy để xử lý.

+ Nguồn số 03: Nước thải sản xuất phát sinh khoảng 75,0 m³/ngày, được thu gom về công trình xử lý nước thải của Nhà máy để xử lý.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau công trình xử lý nước thải của Nhà máy.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chung của khu vực.

2.3. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: Thôn Khuôn Ráng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 106⁰ múi chiều 3⁰): X= 2394117; Y= 434523.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 81,0 m³/ngày.

2.5. Phương thức xả nước thải: Tự chảy. Điểm xả nước thải ra mương thoát nước của khu vực, thôn Khuôn Ráng, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

2.6. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.7. Chất lượng nước thải trước khi xả nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, mức B ($K_q = 0,9$, $K_t = 1,1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	TSS	mg/L	99,0	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
2	COD	mg/L	148,5		
3	BOD ₅	mg/L	49,5		
4	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	9,9		
5	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	5,94		
6	Tổng Nito	mg/L	39,6		
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	9,9		
8	Coliform	MPN/100 mL	5.000		
9	pH ^(*)	-	5,5 ÷ 9		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh được thu gom bằng đường ống PVC dẫn vào 02 bể tự hoại 3 ngăn ($26\text{m}^3/\text{bể}$) để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về công trình xử lý nước thải công suất $100\text{m}^3/\text{ngày}$ để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn và thải ra môi trường.

+ Nguồn số 2: Nước thải từ khu vực nhà ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ (12m^3) sau đó dẫn về công trình xử lý nước thải công suất $100\text{m}^3/\text{ngày}$ để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn và thải ra môi trường.

+ Nguồn số 3: Nước thải sản xuất được xử lý sơ bộ qua bể lắng (30m^3) được thu gom về HTXL nước thải công suất $100\text{m}^3/\text{ngày}$.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt/nước thải nhà ăn/nước thải sản xuất → Bể tự hoại/Bể tách dầu mỡ/Bể lắng → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Thải ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Công suất thiết kế của các công trình xử lý nước thải: 02 bể tự hoại dung tích $26\text{m}^3/\text{bể}$; bể tách dầu mỡ dung tích 12m^3 , bể lắng cát dung tích 30m^3 , hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $100\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Javen, hóa chất.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không có.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

a) Biện pháp phòng ngừa

- Thực hiện vận hành các hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Tuân thủ nghiêm công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

b) Biện pháp khắc phục

- Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại nhà máy hỗ trợ khắc phục sự cố.

- Thông báo, thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng, khắc phục sự cố.

- Xác định chất lượng nước thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ xả thải ra môi trường khi chất lượng đạt quy chuẩn.

- Thay thế kịp thời các bộ phận, thiết bị bị hư hỏng.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố vỡ đường ống, nghẹt bơm hoặc nước thải xử lý không đạt quy chuẩn thực hiện tạm dừng hoạt động của hệ thống, nước thải được lưu giữ tại các bể xử lý. Sau khi sửa chữa xong, nước thải được bơm về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng, bắt đầu từ tháng 7/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100m³/ngày.đêm.

2.3. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí , tại ống đầu ra nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100m³/ngày.đêm.

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2 Phần A Phụ lục này.

2.5. Tần suất quan trắc, lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc do chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Lắp đặt thiết bị giám sát lưu lượng nước thải sau xử lý xả ra môi trường.

3.2 Tuân thủ thực hiện đúng quy trình, giải pháp xả nước thải vào nguồn tiếp nhận. Nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nguồn nước tiếp nhận, Công ty phải báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương theo quy định.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải

3.5. Công ty TNHH JW nông Sản chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.6. Đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của cụm công nghiệp Phúc Ứng khi cụm công nghiệp được đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung. Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải của cơ sở để đảm bảo nước thải sau xử lý đạt chất lượng tốt hơn theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan quản lý./.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số 31/GPMT-UBND ngày 28/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	02	16 01 06
2	Dầu nhớt thải	Lỏng	05	17 02 04
3	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt	Rắn	10	18 02 01
4	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	01	19 060 1
Tổng cộng			18	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Chất thải rắn sản xuất	Khối lượng (kg/ngày)
1	Phụ phế phẩm nông sản	250
2	Phụ phế phẩm thủy sản	3,5
3	Bọc nhựa PE hỏng	1,5
4	Bìa Carton hỏng	7
5	Dầu chiên thải	10

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	40
2	Bùn thải từ HTXL	50
	Tổng khối lượng	90

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Thiết bị lưu chứa

- Trong kho chất thải nguy hại bố trí 03 thùng chứa loại 120l có nắp đậy, không rò rỉ, được dán mã CTNH.

- Chất liệu của thùng chứa là nhựa có nắp đậy.

b) Kho lưu chứa

- Diện tích kho: 20m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có mái che, tường bao quanh, nền bê tông, có biển cảnh báo theo quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Được tái sử dụng tại nhà máy; một phần được lưu giữ trong kho chứa chất thải diện tích 20m² sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

a, Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí thu gom chất thải rắn sinh hoạt bằng 05 thùng chứa loại 120l có nắp đậy.

b) Khu vực lưu chứa

- Được bố trí tại nơi phát sinh chất thải, thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý hàng ngày.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, định kỳ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Các thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định pháp luật.

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được thu gom và tập trung tại kho tập kết, thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

- Thời gian lưu giữ và chuyển giao chất thải nguy hại thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Phụ lục 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số 31/GPMT-UBND ngày 28/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm theo quy định.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

4. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, hóa chất và các vật liệu khác đã cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn phòng chống cháy, nổ, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động của dự án. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động gây ra sự cố, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, thông báo khẩn cấp cho các cơ quan chức năng để được chỉ đạo và phối hợp xử lý, chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung giấy phép môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu./.